

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
Bản án số: 31/2017/DS-PT
Ngày: 26.7.2017

V/v: “*tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Hạnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2017/TLPT-DS ngày 3 tháng 4 năm 2017 về “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐ-PT ngày 2 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 33a/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ L**; sinh năm 1977; Nơi ĐKNKTT: Tổ 18 Phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú: 259 P, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**; sinh năm 1961; Nơi ĐKNKTT: 17 H, phường T, quận C, Tp Đà Nẵng; Tạm trú: Lô D17, tổ 06 khu Nam C, thôn M, xã H, huyện H; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Cuối năm 2013 và năm 2014 bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N đã nhiều lần mượn của tôi tổng cộng 09 lần; những lần bà đến mượn tiền của tôi thì tôi nói bà N ghi vào sổ nợ của tôi, đến khi trả tiền thì tôi mở sổ để bà N tự mình xóa dòng chữ

mượn tiền. Do số tiền vay ngày càng nhiều và bà không chịu trả cho tôi nên tôi khởi kiện ra tòa án nhân dân huyện H để bảo vệ quyền và lợi ích của tôi như sau:

- Lần 1: Ngày 01/6/2013, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 12/7/2013, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 08/8/2013, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 28/7/2013 âm lịch, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 5: Ngày 23/8/2013, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 6: Ngày 10/11/2013 âm lịch, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 7: Ngày 27/12/2013 âm lịch, bà N vay của tôi số tiền 10.000.000 đồng.
- Lần 8: Ngày 11/01/2014, bà N vay của tôi số tiền 30.000.000 đồng.
- Lần 9: Ngày 02/01/2014, bà N vay của tôi số tiền 6.400.000 đồng, bà N đã trả được 500.000 đồng, còn nợ lại 5.900.000 đồng.

Ngoài ra bà N còn vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 16/6/2014.

Tất cả chứng cứ tôi đã cung cấp cho Tòa án. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho tôi số tiền đã mượn là 185.900.000 đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Tôi thừa nhận vay của bà L 09 lần như bà L đã trình bày; tôi thừa nhận toàn bộ chữ viết trong sổ ghi nợ của bà L số tiền là 185.900.000 đồng là chữ viết của tôi. Nhưng tôi không đồng ý với các chứng cứ mà bà L đã cung cấp vì tôi đã chơi biếu với bà L để cản trừ nợ. Hiện nay, tôi xác định không còn nợ bà L số tiền trên. Nhưng tôi không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án về khoản tiền đã trả cho bà L. Tôi đề nghị Tòa án xem xét.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã tuyên xử và quyết định:

Căn cứ các điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự;

Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu đòi tiền của bà Trần Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Hồng N.

Xử buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải thanh toán cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 185.900.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà Trần Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ như quyết định trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu là 9.295.000 đ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí 4.650.000 đã nộp tại biên lai thu số 003349 ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 6/3/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn kháng cáo với nội dung sau: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 72016/DS-ST ngày 20/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, TP Đà Nẵng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết công bằng, đúng người, đúng tội và cấp sơ thẩm đã tách thành 02 vụ án riêng biệt trong một chuỗi quan hệ biểu hui mà đến nay chưa dứt điểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Trần Thị Mỹ L thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền: 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*); Thời gian thực hiện nghĩa vụ là ngày 15/12/2017. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị Hồng N và bà Trần Thị Mỹ L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền: 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*); Thời gian thực hiện nghĩa vụ là ngày 15/12/2017. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy: Sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nên căn cứ điều 300 BLTTDS năm 2015, HĐXX sửa bản án; công nhận sự thỏa thuận giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, Điều 147, Điều 148, bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 20/2/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, TP Đà Nẵng;

2. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Bà Nguyễn Thị Hồng N sẽ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền: 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*); Thời hạn thực hiện nghĩa vụ là ngày 15/12/2017;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*); Án phí sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ L không phải chịu; Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.650.000đ tại biên lai thu số 003349 ngày 30/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

3.2 Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp tại biên lai thu số 0006644 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận việc thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- VKSND huyện H, ĐN
- TAND huyện H, ĐN;
- Chi cục THADS huyện H, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh